HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06/2022/NQ-HĐND	*Đồng Tháp, ngày 24 tháng 3 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nội dung, mức chi đối với các kỳ thi giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHÓA X - KỲ HỌP ĐỘT XUẤT LẦN THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đối với các kỳ thi giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi đối với các kỳ thi giáo dục phổ thông áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục công lập, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, hội thi, cuộc thi theo quy định.

Điều 2. Nội dung, mức chi

1. Nội dung và mức chi đối với các kỳ thi giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp gồm: tổ chức thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thi học sinh giỏi các môn văn hóa; xét tuyển tốt nghiệp trung học cơ sở; tuyển sinh lớp 6, lớp 10; các kỳ thi, hội thi và các hoạt động của ngành giáo dục, cụ thể như sau:

a) Nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức thi tốt nghiệp trung học phổ thông *(chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm).*

b) Nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức thi học sinh giỏi các môn văn hóa *(chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm).*

c) Nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức xét tuyển tốt nghiệp trung học cơ sở; tuyển sinh lớp 6, lớp 10 *(chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm).*

d) Nội dung, mức chi các kỳ thi, hội thi và hoạt động của ngành giáo dục *(chi tiết theo Phụ lục 04 đính kèm).*

2. Các nội dung khác không quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn sự nghiệp giáo dục phân bổ hàng năm theo phân cấp ngân sách.

2. Nguồn tài chính của các cơ quan, đơn vị.

3. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Uỷ ban nhân dân Tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp Khoá X, Kỳ họp đột xuất lần thứ nhất thông qua ngày 24 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 4 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- TT.TU, BTT UBMTTQVN Tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành Tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công báo Tỉnh;
- Lưu: VT, PC.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Phan Văn Thắng

Phụ lục 01

NỘI DUNG, MỨC CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TỔ CHỨC THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Ban hành kèm theo theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	**Ban chỉ đạo kỳ thi tốt nghiệp THPT cấp Tỉnh**			
1.1	***Phụ cấp trách nhiệm***	Người/ngày		
	- Trưởng ban		350.000	
	- Phó Trưởng ban		280.000	
	- Ủy viên, thư ký		230.000	
1.2	***Thời gian làm việc tối đa: 20 ngày***			
2	**Phụ cấp trách nhiệm Hội đồng thi**			
	- Chủ tịch	Người/ngày	350.000	
	- Phó Chủ tịch		280.000	
	- Ủy viên		230.000	
3	**Phụ cấp trách nhiệm Ban thư ký Hội đồng thi**			
	- Trưởng ban	Người/ngày	300.000	
	- Phó Trưởng ban		260.000	
	- Ủy viên, thư ký		210.000	
4	**Ban sao in đề thi**			
4.1	***Tiền ăn cho cán bộ cách ly (24giờ/ngày)***			
	- Tiền ăn trong thời gian thực tế in sao	Người/ngày	200.000	
	- Tiền ăn trong thời gian cách ly để chờ hết thời gian mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ in sao	Người/ngày	150.000	

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
4.2	***Tiền nước uống cho cán bộ cách ly (24giờ/ngày)***	Người/ngày	40.000	
4.3	***Phụ cấp trách nhiệm***			
	- Trưởng ban	Người/ngày	300.000	
	- Phó Trưởng ban		260.000	
	- Ủy viên, thư ký, lực lượng bảo đảm an ninh (24 giờ/ngày)		210.000	
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài		115.000	
5	**Phụ cấp trách nhiệm Ban vận chuyển (giao đề thi, nhận bài thi)**			
	- Trưởng ban	Người/ngày	300.000	
	- Phó Trưởng ban		260.000	
	- Ủy viên, công an làm nhiệm vụ bảo vệ, giám sát		210.000	
	- Nhân viên phục vụ		115.000	
6	**Ban coi thi**			
6.1	***Phụ cấp trách nhiệm***			
6.1.1	***Ban coi thi***			
	- Trưởng ban	Người/ngày	300.000	
	- Phó Trưởng ban		260.000	
	- Ủy viên, thư ký		210.000	
6.1.2	***Điểm thi***			
	- Trưởng điểm thi	Người/ngày	265.000	Thủ trưởng CSGD
	- Phó Trưởng điểm thi		250.000	
	- Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi, công an bảo vệ vòng trong và giám sát		210.000	

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
	- Công an bảo vệ vòng ngoài, cán bộ y tế, nhân viên phục vụ, trật tự viên		100.000	
6.2	***Chi khác cho điểm thi***			
	- Chi quét dọn, vệ sinh phòng thi	phòng thi	15.000	
	- Chi tiền thuốc phòng bệnh	Điểm thi	300.000	Từ 20 phòng thi trở lên: 300.000 đồng; dưới 20 phòng 250.000 đồng
	- Chi văn phòng phẩm cho Điểm coi thi	phòng thi	30.000	
7	**Ban làm phách**			
7.1	***Phụ cấp trách nhiệm***			
	- Trưởng ban	Người/ngày	300.000	
	- Phó Trưởng ban		260.000	
	- Ủy viên, bảo vệ vòng trong		210.000	
	- Bảo vệ vòng ngoài, nhân viên phục vụ, cán bộ y tế		100.000	
7.2	***Tiền ăn cho cán bộ cách ly (24giờ/ngày)***	Người/ngày	150.000	
	- Tiền ăn trong thời gian thực tế làm phách	Người/ngày	200.000	
	- Tiền ăn trong thời gian cách ly còn lại (*cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ làm phách*)		150.000	
7.3	***Tiền nước uống cho cán bộ cách ly (24giờ/ngày)***	Người/ngày	40.000	
8	**Ban chấm thi, chấm kiểm tra tự luận, trắc nghiệm**			

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
8.1	***Phụ cấp trách nhiệm***			
	- Trưởng ban	Người/ngày	300.000	
	- Phó Trưởng ban		260.000	
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật, công an, bảo vệ vòng trong		210.000	
	- Tổ trưởng các tổ chấm thi	Người/đợt	300.000	
	- Bảo vệ vòng ngoài, nhân viên phục vụ, cán bộ y tế	Người/ngày	100.000	
8.2	***Chấm thi***			
	- Chấm tự luận	Người/ngày	350.000	
	- Chấm trắc nghiệm			
	+ Chấm bài trắc nghiệm (thư ký, cán bộ chấm bài)	Người/ngày	350.000	
	+ Giám sát	Người/ngày	210.000	
8.3	***Chấm kiểm tra***			
	- Chấm kiểm tra môn tự luận (*chấm ít nhất 5% số lượng bài thi*)	Người/ngày	300.000	
9	**Ban phúc khảo**			
9.1	***Phụ cấp trách nhiệm***			
	- Trưởng ban	Người/ngày	300.000	
	- Phó Trưởng ban		250.000	
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, công an, bảo vệ vòng trong		210.000	
	- Tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi	Người/đợt	300.000	
	- Bảo vệ vòng ngoài, nhân viên phục vụ, cán bộ y tế	Người/ngày	100.000	
9.2	***Tiền chấm bài phúc khảo***			
	- Chi cho cán bộ chấm phúc khảo	Người/ngày	210.000	

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
	bài thi			
	- Chi cho cán bộ chấm thẩm định bài thi	Người/ngày	210.000	
10	**Chi thực hiện nhiệm vụ của thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi**			
	- Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	300.000	Chỉ áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm
	- Đoàn viên thanh tra, thư ký		210.000	
	- Thanh tra viên độc lập		250.000	
11	**Chi khác phục vụ Hội đồng thi, sao in đề thi, chấm thi**			
	- Lập danh sách phòng thi	phòng thi	15.000	
	- Kiểm tra hồ sơ dự thi	phòng thi	20.000	
	- Chi văn phòng phẩm		Căn cứ hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu, hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán được giao	
	- Các biểu mẫu giấy thi, giấy nháp, phiếu trả lời trắc nghiệm, túi đựng đề thi, phiếu dự thi, bảng ghi tên, ghi điểm, bìa bọc bài thi, tờ nộp bài thi, các biểu mẫu phục vụ hội đồng thi, điểm thi; tài liệu phổ biến phòng thi; thẻ đeo, thuê xe vận chuyển, mua trang thiết bị,... phục vụ cho Hội đồng thi, sao in đề thi, chấm thi			
12	**Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất**			

Phụ lục 02

NỘI DUNG, MỨC CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TỔ CHỨC THI HỌC SINH GIỎI CÁC MÔN VĂN HÓA

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	**Xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm**			
	- Soạn thảo câu trắc nghiệm đưa vào biên tập	Câu	40.000	Cấp huyện mức chi bằng 70% mức chi cấp tỉnh, cấp trường mức chi bằng 50% mức chi cấp tỉnh
	- Thẩm định và biên tập câu trắc nghiệm	Câu	35.000	
	- Đánh máy và nhập vào ngân hàng câu trắc nghiệm	Người/ngày	230.000	
2	**Ra đề thi**			
2.1	***Đề thi đề xuất môn tự luận***			
	- Thi học sinh giỏi	đề/môn	600.000	Cấp huyện mức chi bằng 70% mức chi cấp tỉnh, cấp trường mức chi bằng 50 % mức chi cấp tỉnh
	- Thi chọn học sinh vào đội tuyển dự thi cấp quốc gia	đề/môn	800.000	
2.2	***Chi ra đề thi phản biện, chính thức và dự bị***			
	- Thi chọn học sinh giỏi (*Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành*)	Người/ngày	500.000	Cấp huyện mức chi bằng 70% mức chi cấp tỉnh, cấp trường mức chi bằng 50% mức chi cấp tỉnh
	- Thi chọn học sinh vào đội tuyển dự thi cấp quốc gia (*Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành*)	Người/ngày	600.000	
3	**Hội đồng ra đề và in sao đề thi**			
3.1	***Phụ cấp trách nhiệm:***			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	300.000	Cấp huyện mức chi bằng 70% mức chi cấp tỉnh, cấp trường mức chi bằng 50% mức chi cấp huyện
	- Phó chủ tịch Hội đồng		260.000	
	- Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong		210.000	

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
	- Bảo vệ vòng ngoài, nhân viên phục vụ		100.000	
3.2	***Tiền ăn cho cán bộ cách ly***			
	- Tiền ăn trong thời gian thực tế cách ly in sao (*24 giờ/ngày*)	Người/ngày	200.000	
	- Tiền ăn trong thời gian cách ly còn lại (*cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ in sao*)		150.000	
3.3	***Tiền nước uống cho cán bộ cách ly (24giờ/ngày)***	Người/ngày	40.000	
4	**Phụ cấp trách nhiệm Hội đồng coi thi**			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	265.000	Cấp huyện mức chi bằng 70% mức chi cấp tỉnh, cấp trường mức chi bằng 50% mức chi cấp tỉnh
	- Phó Chủ tịch Hội đồng		250.000	
	- Ủy viên, thư ký, giám thị, bảo vệ vòng trong		210.000	
	- Bảo vệ vòng ngoài, cán bộ y tế, nhân viên phục vụ		100.000	
5	**Hội đồng chấm thi**			
5.1	***Chi phụ cấp trách nhiệm***			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	300.000	Cấp huyện mức chi bằng 70% mức chi cấp tỉnh, cấp trường mức chi bằng 50% mức chi cấp tỉnh
	- Các Phó Chủ tịch		250.000	
	- Tổ trưởng, tổ phó	Người/đợt	300.000	
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, bảo vệ vòng trong	Người/ngày	210.000	
	- Bảo vệ vòng ngoài, nhân viên phục vụ		100.000	
5.2	***Chấm thi***			
	- Chấm thi tự luận, bài thi nói, bài thi thực hành			
	+ Thi chọn học sinh giỏi	Người/ngày	300.000	Cấp huyện mức chi bằng 70% mức chi cấp tỉnh, cấp trường mức chi bằng 50% mức chi cấp tỉnh

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
	+ Thi chọn học sinh vào đội tuyển dự thi cấp quốc gia	Người/ngày	350.000	
	- Chi cho cán bộ thuộc tổ xử lý bài thi trắc nghiệm			
	+ Thi chọn học sinh giỏi	Người/ngày	300.000	Cấp huyện mức chi bằng 70% mức chi cấp tỉnh, cấp trường mức chi bằng 50% mức chi cấp tỉnh
	+ Thi chọn học sinh vào đội tuyển dự thi cấp quốc gia	Người/ngày	350.000	
	- Phúc khảo bài thi			
	Chi phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ tham gia phúc khảo bài thi chọn học sinh giỏi	Người/ngày	200.000	Cấp huyện mức chi bằng 70% mức chi cấp tỉnh, cấp trường mức chi bằng 50% mức chi cấp tỉnh
6	**Hội đồng coi thi cấp quốc gia**			
	Chi phụ cấp trách nhiệm:			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	300.000	Đề thi Bộ GDĐT giao, Công an trực bảo vệ 24 giờ/ngày
	- Phó Chủ tịch Hội đồng		250.000	
	- Ủy viên, thư ký, giám thị, bảo vệ vòng trong		210.000	
	- Bảo vệ vòng ngoài, cán bộ y tế, nhân viên phục vụ		100.000	
7	**Tập huấn đội tuyển dự thi cấp huyện, thành phố, tỉnh; đội tuyển của tỉnh dự thi cấp quốc gia; thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic và khu vực**			
7.1	***Chi phụ cấp cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn***	Người/ngày	100.000	Cấp huyện mức chi bằng 70% mức chi cấp tỉnh, cấp trường mức chi bằng 50% mức chi cấp tỉnh
7.2	***Chi biên soạn và giảng dạy đội tuyển chính thức dự thi cấp tỉnh, huyện***			
	- Dạy lý thuyết	tiết	200.000	Cấp huyện mức chi bằng 70% mức chi cấp tỉnh, cấp trường mức chi bằng 50% mức chi cấp tỉnh
	- Dạy thực hành	tiết	300.000	
	- Trợ lý thí nghiệm, thực hành	tiết	100.000	

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
7.3	***Chi biên soạn và giảng dạy (đội tuyển của tỉnh dự thi cấp quốc gia; thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic và khu vực) (đội tuyển chính thức)***			
	- Dạy lý thuyết	tiết	250.000	
	- Dạy thực hành	tiết	350.000	
	- Trợ lý thí nghiệm, thực hành	tiết	115.000	
7.4	***Chi tiền công thuê chuyên gia giảng dạy lớp tập huấn, bồi dưỡng đội tuyển dự thi quốc gia, Olympic và khu vực (đội tuyển chính thức)***			
	Thuê chuyên gia tư vấn, giảng dạy		Thực hiện theo quy định hiện hành của địa phương và trung ương	
	Thuê phương tiện đưa rước chuyên gia; tiền ăn, nghỉ cho chuyên gia		Thuê phương tiện theo hóa đơn, chứng từ thực tế; tiền ăn, nghỉ theo quy định hiện hành	
7.5	***Chi tiền ăn cho học sinh đội tuyển tham gia tập huấn và dự thi***			
	+ Tập huấn trong tỉnh	Người/ngày	100.000	Cấp huyện mức chi bằng 70% mức chi cấp tỉnh, cấp trường mức chi bằng 50% mức chi cấp tỉnh
	+ Tập huấn ngoài tỉnh (*dự thi cấp quốc gia*)	Người/ngày	200.000	
	+ Tập huấn ngoài tỉnh (*thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olmpic quốc tế và khu vực*)	Người/ngày	225.000	
7.6	Chi tiền ở và tàu xe của học sinh, giáo viên (*tham gia dự thi đội tuyển cấp quốc gia; thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic và khu vực*)			Thực hiện theo chế độ công tác phí hiện hành
8	**Chi các nhiệm vụ khác có liên quan**			
8.1	***Chi khác Hội đồng coi thi***			
	- Chi lập danh sách phòng thi và ghi tên, ghi điểm	phòng thi	15.000	Cấp huyện, cấp trường mức chi bằng với cấp tỉnh
	- Chi quét dọn vệ sinh phòng thi	phòng thi	15.000	
	- Chi kiểm tra hồ sơ dự thi	phòng thi	20.000	

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
	- Chi tiền thuốc phòng bệnh	hội đồng	250.000	Cấp huyện mức chi bằng 70% mức chi cấp tỉnh, cấp trường mức chi bằng 50% mức chi cấp tỉnh
	- Chi văn phòng phẩm	phòng thi	25.000	
	- Giấy thi thí sinh (môn tự luận)	tờ	Căn cứ theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao	
	- Giấy nháp cho thí sinh	tờ		
	- Phiếu dự thi	tờ		
	- Bảng ghi tên, ghi điểm	tờ		
	- Bìa bọc bài thi	tờ		
	- Tờ nộp bài thi (môn trắc nghiệm)	tờ		
	- Các biểu mẫu , thẻ đeo, tài liệu phục vụ cho hội đồng thi	tờ		
	- Mua hóa chất, vật liệu thiết bị để phục vụ cho tập huấn và kỳ thi; xăng giao đề thi, nhận bài thi; thuê xe vận chuyển			
8.2	***Văn phòng phẩm Hội đồng chấm thi, chấm phúc khảo***	Hội đồng	Theo chứng từ, hóa đơn thực tế	
9	**Chi thực hiện nhiệm vụ của thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi**			
	- Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	300.000	Chỉ áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm
	- Đoàn viên thanh tra, thư ký		210.000	
	- Thanh tra viên độc lập		250.000	
10	**Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất**			

Phụ lục 03

NỘI DUNG, MỨC CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TỔ CHỨC XÉT TUYỂN TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC CƠ SỞ; TUYỂN SINH LỚP 6, LỚP 10

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
I	**Xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**			
1	**Phụ cấp trách nhiệm Hội đồng xét tuyển lớp 6 và xét tốt nghiệp lớp 10**			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	210.000	Tối đa không quá 05 ngày
	- Phó Chủ tịch Hội đồng		170.000	
	- Ủy viên, thư ký		140.000	
2	**Phụ cấp trách nhiệm Hội đồng nhận, kiểm tra hồ sơ xét duyệt dự tuyển lớp 10**			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	200.000	Tối đa không quá 05 ngày
	- Phó Chủ tịch Hội đồng		150.000	
	- Ủy viên, thư ký		130.000	
II	**Thi tuyển lớp 10, lớp 10 chuyên**			
1	**Ban tổ chức**			
	- Trưởng ban	Người/ngày	300.000	Tối đa không quá 05 ngày
	- Phó Trưởng ban		250.000	
	- Thư ký, ủy viên		230.000	
2	**Công tác ra đề, coi thi, chấm thi**			
2.1	**Hội đồng ra đề, in sao đề thi tuyển lớp 10, lớp 10 chuyên**			
a	***Chi phụ cấp trách nhiệm***			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	240.000	
	- Phó Chủ tịch Hội đồng		210.000	
	- Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong		170.000	Công an trực, bảo vệ liên tục 24 giờ/ngày
	- Bảo vệ vòng ngoài, nhân viên phục vụ		100.000	
b	***Ra đề thi, phản biện đề thi (đề đề xuất, chính thức, dự bị)***			
	- Lớp 10, môn chuyên	Người/ngày	400.000	
	- Lớp 10, môn không chuyên	Người/ngày	300.000	
c	***Tiền ăn, nước uống cho cán bộ cách ly (24 giờ/ngày)***			
	- Tiền ăn	Người/ngày	150.000	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
	- Tiền nước uống	Người/ngày	40.000	
2.2	**Phụ cấp trách nhiệm hội đồng coi thi**			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	210.000	
	- Phó Chủ tịch Hội đồng		200.000	
	- Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong		170.000	Công an trực, bảo vệ liên tục 24 giờ/ngày
	- Bảo vệ vòng ngoài, nhân viên phục vụ		100.000	
2.3	**Chi khác phục vụ cho Hội đồng coi thi**			
	- Chi quét dọn, vệ sinh phòng thi	Phòng thi	15.000	
	- Chi tiền thuốc phòng bệnh	Hội đồng	300.000	Từ 20 phòng thi trở lên 300.000đ, dưới 20 phòng 250.000đ (*Khi có dịch bệnh, thiên tai đề xuất điều chỉnh trên dự toán*)
	- Chi văn phòng phẩm	Phòng thi	30.000	
2.4	**Hội đồng chấm thi lớp 10 chuyên và không chuyên**			
a	***Phụ cấp trách nhiệm:***			
	+ Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	240.000	
	+ Phó Chủ tịch Hội đồng		200.000	
	+ Uỷ viên, thư ký, kỹ thuật viên, bảo vệ vòng trong		170.000	Công an trực, bảo vệ liên tục 24 giờ/ngày
	+ Tổ trưởng, tổ phó	Người/đợt	200.000	
	+ Bảo vệ vòng ngoài, nhân viên phục vụ	Người/ngày	100.000	
b	***Chấm bài thi:***			
	+ Thi tự luận:			
	Lớp 10 chuyên	Người/ngày	350.000	
	Lớp 10 không chuyên	Người/ngày	250.000	
	+ Chi cho cán bộ thuộc Tổ xử lý bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	240.000	
c	***Chấm kiểm tra***			
	- Chấm kiểm tra môn tự luận (chấm ít nhất 5% số lượng bài thi)			
	Lớp 10 chuyên	Người/ngày	350.000	
	Lớp 10 không chuyên	Người/ngày	250.000	
d	***Hội đồng chấm phúc khảo***			
	- *Chi phụ cấp trách nhiệm*			

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
	+ Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	240.000	
	+ Phó Chủ tịch Hội đồng		200.000	
	+ Uỷ viên, thư ký, kỹ thuật viên, bảo vệ vòng trong		170.000	Công an trực, bảo vệ liên tục 24 giờ/ngày
	+ Bảo vệ vòng ngoài, nhân viên phục vụ		100.000	
	- *Chi cán bộ chấm phúc khảo bài thi*	Người/ngày	200.000	
3	***Chi khác cho Hội đồng thi***			
	- Chi lập danh sách phòng thi và ghi tên, ghi điểm	phòng thi	15.000	
	- Chi kiểm tra hồ sơ dự thi	phòng thi	20.000	
	- Giấy thi thí sinh (môn tự luận)	tờ	Căn cứ theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao	
	- Giấy nháp cho thí sinh	tờ		
	- Phiếu dự thi	tờ		
	- Bảng ghi tên, ghi điểm	tờ		
	- Bìa bọc bài thi	tờ		
	- Tờ nộp bài thi (môn trắc nghiệm)	tờ		
	- Các biểu mẫu	tờ		
	- Xăng giao đề thi, nhận bài thi; thuê xe vận chuyển,...	lít		
4	***Chi thực hiện nhiệm vụ thanh tra trước, trong và sau khi thi lớp 10, lớp 10 chuyên***			
	+ Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	240.000	Chỉ áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm
	+ Đoàn viên thanh tra		170.000	
	+ Thanh tra viên độc lập		200.000	
III	**Các kỳ thi kiểm tra học kỳ, thi diễn tập, thi thử**			
1	**Phụ cấp trách nhiệm Ban tổ chức**			
	- Trưởng ban	Người/ngày	210.000	Tối đa không quá 05 ngày
	- Phó Trưởng ban		180.000	
	- Thư ký, ủy viên		160.000	
2	**Phụ cấp trách nhiệm Hội đồng ra đề thi**			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	170.000	
	- Phó Chủ tịch Hội đồng		150.000	
	- Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong		120.000	Công an trực, bảo vệ liên tục 24 giờ/ngày
	- Bảo vệ vòng ngoài, nhân viên phục vụ		90.000	
3	**Chế độ ra đề**			

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
	- Tự luận	Đề	350.000	
	- Trắc nghiệm (gồm soạn thảo trắc nghiệm và biên tập, thẩm định và đánh máy nhập vào câu hỏi trắc nghiệm)	Câu	40.000	
IV	**Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất**			

Phụ lục 04
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CÁC KỲ THI, HỘI THI VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH GIÁO DỤC
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
PHẦN I: MỨC CHI CÁC KỲ THI, HỘI THI				
I	**Phụ cấp trách nhiệm Ban Tổ chức, Hội đồng của các kỳ thi, hội thi và hoạt động của ngành giáo dục**			
1	***Ban Tổ chức***			
	- Trưởng ban	Người/ngày	250.000	Tối đa không quá 10 ngày
	- Phó Trưởng ban		200.000	
	- Thư ký, ủy viên, hỗ trợ kỹ thuật		160.000	
	- Bảo vệ, phục vụ		100.000	
2	***Ban coi thi, chấm thi***			
	- Trưởng ban	Người/ngày	210.000	Tối đa không quá 05 ngày
	- Phó Trưởng ban, Giám khảo		180.000	
	- Ủy viên, thư ký, giám thị		150.000	
3	***Thanh tra các kỳ thi, hội đồng thi***			
	- Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	210.000	Chỉ áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm
	- Đoàn viên thanh tra		150.000	
	- Thanh tra viên độc lập		180.000	
II	**Phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ ra đề thi và chấm thi**			
1	***Bậc mầm non***			
1.1	***Ra đề thi***			
	- Giáo viên dạy giỏi và hội thi tương đương đối với giáo viên	Bộ đề	500.000	
	- Các hội thi của bé (*bé nhanh trí, bé nội trợ, bé khéo tay, an toàn giao thông, bé khỏe bé ngoan*)	Bộ đề	350.000	
1.2	***Chấm thi***			
1.2.1	Giáo viên dạy giỏi và hội thi tương đương đối với giáo viên:			
	- Dự giờ, rút kinh nghiệm, kiểm tra hồ sơ			
	+ Mời chuyên gia; mời cán bộ, công chức, viên chức thuộc Sở, ngành cấp tỉnh	Buổi/người	Mức chi thực hiện theo báo cáo viên quy định tại Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
	+ Chuyên viên, giáo viên trong ngành	Buổi/người	160.000	
	- Chấm bài lý thuyết (tự luận)	Ngày/người	250.000	
	- Chấm sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sản phẩm ứng dụng	Đề tài	70.000	
	- Đồ dùng dạy học, sản phẩm kỹ thuật	Sản phẩm	70.000	
1.2.2	Các hội thi của bé (*bé nhanh trí, bé nội trợ, bé khéo tay, an toàn giao thông, bé khỏe bé ngoan*): Ban giám khảo	Buổi/người	150.000	
1.2.3	Hỗ trợ tiền ăn và nước uống cho các thành viên và học sinh tham gia	Người/ngày	150.000	Hỗ trợ cho những ngày thực tế thi chính thức
2	**Bậc phổ thông (gồm Tiểu học, THCS, THPT)**			
2.1	**Giáo viên dạy giỏi và cuộc thi phong trào tương đương đối với giáo viên**			
2.1.1	***Ra đề thi***			
	- Tự luận	Bộ đề	500.000	
	- Trắc nghiệm	Người/ngày	200.000	
2.1.2	***Chấm thi***			
	- Dự giờ, rút kinh nghiệm, kiểm tra hồ sơ			
	+ Mời chuyên gia; mời cán bộ, công chức, viên chức thuộc Sở, ngành cấp tỉnh	Buổi/người	Mức chi thực hiện theo báo cáo viên quy định tại Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
	+ Chuyên viên, giáo viên trong ngành	Buổi/người	160.000	
	- Chấm bài lý thuyết (tự luận)	Ngày/người	250.000	
	- Chấm sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sản phẩm ứng dụng	Đề tài	70.000	
2.2	**Các cuộc thi cho học sinh phổ thông**			
2.2.1	***Thi khoa học kỹ thuật, hùng biện tiếng Anh và các cuộc thi phong trào tương đương***			
	- Phụ cấp trách nhiệm Ban tổ chức.		Thực hiện tại điểm 1 mục I phần I	
	- Ra đề thi			
	+ Tự luận	Đề/môn	500.000	
	+ Trắc nghiệm	Câu	30.000	*Gồm: soạn thảo, thẩm định, đánh máy và nhập vào*

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
				ngân hàng trắc nghiệm
	+ Đề thi vừa có trắc nghiệm và tự luận	Đề/môn	500.000	
	- Phụ cấp trách nhiệm Hội đồng chấm thi		Thực hiện tại điểm 2 mục I phần I	
	- Chấm thi			
	+ Mời chuyên gia; mời cán bộ, công chức, viên chức thuộc Sở, ngành cấp tỉnh.	Buổi/người	Mức chi thực hiện theo báo cáo viên quy định tại Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của HĐND tỉnh	
	+ Chuyên viên, giáo viên trong ngành	Buổi/người	160.000	
	- Chấm bài lý thuyết (tự luận)	Ngày/người	250.000	
2.2.2	***Bồi hoàn đề tài (sản phẩm) đạt chính thức (nhất, nhì, ba)***		Bồi hoàn 30%/đề tài (*sản phẩm*)	
2.2.3	Hoàn chỉnh các đề tài chọn dự thi cấp quốc gia: Mời chuyên gia chấm: Là Giáo sư, Phó Giáo sư, Giảng viên cao cấp, Giảng viên chính, Tiến sĩ. Mời cán bộ, công chức, viên chức thuộc Sở, ngành Tỉnh	Người/ngày	Mức chi thực hiện theo báo cáo viên quy định tại Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của HĐND tỉnh	
2.2.4	Cuộc thi trên internet; ngày hội giao lưu học sinh và các hội thi khác tương đương: nội dung ban tổ chức, coi thi, chấm thi		Thực hiện tại điểm 1, 2 mục I phần I	
2.2.5	Hỗ trợ tiền ăn và nước uống cho các thành viên và học sinh tham gia	Người/ngày	150.000	Hỗ trợ cho những ngày thực tế thi chính thức
III	**Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất**			
	<u>PHẦN II: KHEN THƯỞNG</u>			
I	**Khen thưởng cho học sinh giỏi các môn văn hóa và tương đương; khen thưởng giáo viên bồi dưỡng học sinh đạt thành tích**			
1	***Học sinh giỏi cấp quốc gia***			
	- Giải nhất	đồng/giải	2.000.000	
	- Giải nhì	đồng/giải	1.500.000	
	- Giải ba	đồng/giải	1.200.000	
	- Giải khuyến khích	đồng/giải	1.000.000	
	- Giáo viên có học sinh đạt giải chính thức I, II, III		01 lần mức lương cơ sở	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
	- Giáo viên có học sinh đạt giải chính thức khuyến khích		1.000.000	
2	***Học sinh giỏi cấp tỉnh***			
	- Giải nhất	đồng/giải	1.200.000	
	- Giải nhì	đồng/giải	900.000	
	- Giải ba	đồng/giải	700.000	
	- Giải khuyến khích	đồng/giải	500.000	
	- Giáo viên có học sinh đạt giải chính thức I, II, III		500.000	
	- Giáo viên có học sinh đạt giải chính thức khuyến khích		400.000	
II	**Khen thưởng các hội thi, cuộc thi của ngành giáo dục**			
1	**Khen thưởng giáo viên bậc mầm non và phổ thông**			
1.1	***Giáo viên dạy giỏi***			
	- Đạt giải	Giải/người	1.000.000	
	- Đạt viên phấn vàng	Viên phấn /người	Viên phấn vàng trị giá tương đương 01 chỉ vàng SJC	
1.2	***Các hội thi, cuộc thi***			
	- Giải cá nhân			
	+ Giải nhất	Người/giải	800.000	
	+ Giải nhì		600.000	
	+ Giải ba		500.000	
	+ Giải khuyến khích		400.000	
	- Giải tập thể			
	+ Giải nhất	Giải/tập thể	1.400.000	
	+ Giải nhì		1.200.000	
	+ Giải ba		1.000.000	
	+ Giải khuyến khích		800.000	
2	**Khen thưởng học sinh bậc mầm non và phổ thông tham gia các hội thi, cuộc thi**			
2.1	***Bậc mầm non***			
	- Giải cá nhân			
	+ Giải nhất	Người/giải	600.000	
	+ Giải nhì		500.000	
	+ Giải ba		400.000	
	+ Giải khuyến khích		300.000	
	- Giải tập thể			
	+ Giải nhất	Giải/tập thể	1.000.000	
	+ Giải nhì		800.000	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
	+ Giải ba		600.000	
	+ Giải khuyến khích		500.000	
2.2	***Bậc phổ thông (gồm Tiểu học, THCS, THPT)***			
	- Giải cá nhân			
	+ Giải nhất	Người/giải	800.000	
	+ Giải nhì		600.000	
	+ Giải ba		500.000	
	+ Giải khuyến khích		400.000	
	- Giải tập thể			
	+ Giải nhất	Giải/tập thể	1.600.000	
	+ Giải nhì		1.200.000	
	+ Giải ba		1.000.000	
	+ Giải khuyến khích		800.000	
2.3	***Khen thưởng mỗi giáo viên bồi dưỡng học sinh tham gia các hội thi, cuộc thi đạt giải chính thức***	Người/giải	400.000	
2.4	***Khen thưởng ý tưởng khởi nghiệp***			
	- Giải đặc biệt	Người/giải	6.000.000	
	- Giải nhất		4.500.000	
	- Giải nhì		3.000.000	
	- Giải ba		2.400.000	
	- Giải khuyến khích		1.500.000	